

**KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH QUẢNG NINH
GIAI ĐOẠN 2011-2015**

**PHẦN I
THỰC TRẠNG VỀ KHU VỰC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
TỈNH QUẢNG NINH**

**I. THỰC TRẠNG VỀ KHU VỰC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH
QUẢNG NINH ĐẾN 2010**

1.1. Số lượng, quy mô doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong giai đoạn 2006-2010, doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là DNNVV) tỉnh Quảng Ninh có tốc độ phát triển nhanh, số lượng doanh nghiệp tăng bình quân 18,3%. Đến 31/12/2010, toàn tỉnh có 7000 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký trên 65 ngàn tỷ đồng, trong đó có trên 6500 nhỏ và vừa (chiếm 97% trong tổng số doanh nghiệp). Trong tổng số doanh nghiệp đã đăng ký, loại hình công ty cổ phần chiếm 40%, công ty TNHH chiếm gần 50%; cơ cấu loại hình doanh nghiệp dần thay đổi theo xu hướng công ty cổ phần ngày càng chiếm tỷ trọng lớn hơn, từ 28% giai đoạn 2001-2005 lên 40% giai đoạn 2006 - 2010.

1.2. Phân bố DNNVV theo ngành nghề, địa bàn

DNNVV quan tâm khai thác tiềm năng của tỉnh về du lịch, công nghiệp hỗ trợ, vật liệu xây dựng, nuôi trồng chế biến thủy hải sản... ngành nghề DNNVV đăng ký theo lĩnh vực: công nghiệp và xây dựng chiếm 35%, thương mại, du lịch, dịch vụ chiếm 43,9%, còn lại là nông lâm thủy sản (6,45%) và các lĩnh vực khác.

DNNVV tập trung chủ yếu tại các trung tâm kinh tế của tỉnh như: Hạ Long (chiếm 49% trên tổng số), Cẩm Phả (10%), Móng Cái (18%), Uông Bí (7%). Mặc dù tỷ lệ phát triển doanh nghiệp tại các địa phương miền núi, hải đảo có điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng khó là khá rõ nét (đạt tốc độ tăng bình quân khoảng 22%), tuy nhiên mật độ doanh nghiệp tại địa bàn này vẫn chiếm tỷ lệ khiêm tốn trong toàn tỉnh: Cô Tô (8 doanh nghiệp); Ba chẽ (13 doanh nghiệp); Đầm Hà (50 doanh nghiệp)...

1.3. Lao động trong khu vực DNNVV

DNNVV đã tạo việc làm cho hàng vạn lao động mỗi năm, với mức tăng trung bình trên 9%, góp phần giải quyết việc làm cho 25-26% lực lượng lao động toàn tỉnh. DNNVV sử dụng trên 138 ngàn lao động (có tổng số 250 ngàn lao động hiện đang làm việc tại các doanh nghiệp), bình quân có 21 lao động/DNNVV. DNNVV góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành: tỷ lệ lao

động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng lao động giảm từ 49,8% năm 2005 xuống còn 25% năm 2010; công nghiệp và xây dựng đến hết năm 2010 là 30% so với 2005 là 23,3%; dịch vụ tăng lên 35% so với 27,2% năm 2005.

1.4. Đóng góp của khu vực doanh nghiệp nhỏ vào GDP, xuất nhập khẩu

Đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào ngân sách địa phương tăng bình quân 34%/năm trong những năm gần đây, chiếm 9,6% tổng số thu cân đối trên địa bàn. Với số vốn đầu tư thực tế cao hơn số vốn đăng ký ban đầu, sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp đóng góp đáng kể vào sản lượng chung của tỉnh và đóng góp nguồn thu vào ngân sách nhà nước, giai đoạn 2006-2010 tổng thuế nộp ngân sách của khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 1.936 tỷ đồng, trong đó DNNVV chiếm hơn 30%, đạt 598 tỷ đồng.

Hoạt động ngoại thương, xuất nhập khẩu của các DNNVV tương đối năng động, chú trọng vào các ngành nghề có lợi thế so sánh, chủ động tìm kiếm và khai thác thị trường Trung Quốc góp phần tích cực tăng kim ngạch xuất khẩu, thu ngoại tệ; đã đầu tư sản xuất một số mặt hàng xuất khẩu mới như: gốm mỹ nghệ, gạch ngói cao cấp, tranh đá quý ...DNNVV đóng góp trong hoạt động du lịch, dịch vụ, đầu tư kinh doanh hệ thống nhà hàng, khách sạn đóng góp vào doanh thu từ hoạt động du lịch bình quân 5 năm tăng 23%/năm.

Nhìn chung, DNNVV trong tỉnh đã năng động và thích ứng nhanh với những thay đổi của thị trường, góp phần gìn giữ và phát huy các ngành nghề truyền thống, phát triển các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà các doanh nghiệp lớn ít quan tâm, tham gia tích cực sản xuất các sản phẩm cung ứng ra thị trường và công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho các ngành công nghiệp chủ chốt như than, điện, xi măng, vật liệu xây dựng. Sức cạnh tranh của các doanh nghiệp không ngừng được nâng cao, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động góp phần thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, bước đầu tiếp cận với thị trường quốc tế.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DNNVV LẦN THỨ NHẤT 2006 - 2010 VÀ BÀI HỌC RÚT RA

2.1. Tóm tắt nội dung chính của kế hoạch lần thứ nhất

Kế hoạch phát triển DNNVV tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2006 - 2010 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch số 5305/KH-UBND ngày 15/11/2007 với nội dung chủ yếu sau:

Với những định hướng phát triển chung là phát triển DNNVV là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, phù hợp với chính sách phát triển doanh nghiệp quốc gia, phát triển DNNVV tăng về số lượng, nâng cao chất lượng, khuyến khích phát triển đối với những lĩnh vực có khả năng cạnh tranh cao, địa bàn khó khăn, đồng bào dân tộc, phát triển giới và có sự hỗ trợ tích cực của công tác tuyên truyền, hỗ trợ gián tiếp. Kế hoạch phát triển DNNVV tỉnh Quảng Ninh đã đưa ra 6 nhiệm vụ chủ yếu của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước, 5 nhiệm vụ của các hiệp hội doanh nhân, doanh nghiệp và 3 nhiệm vụ doanh nghiệp phải thực hiện.

Để thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu, kế hoạch đã nêu 7 nhóm giải pháp đồng bộ, gồm: tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuận lợi trong đăng ký doanh nghiệp, sớm gia nhập thị trường; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai; tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn, khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất ở các địa bàn khó khăn; xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ và khả năng cạnh tranh; triển khai tốt các chính sách lĩnh vực văn hoá, xã hội, nâng cao năng lực tiếp cận kinh tế quốc tế, đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại; phát triển nguồn nhân lực trong DNNVV thông qua đào tạo; tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của DNNVV.

Để thực hiện các giải pháp, Tỉnh thành lập Ban điều phối thực hiện Kế hoạch trong đó có Lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo các sở ngành liên quan. Bên cạnh đó, quy định cụ thể chương trình và phân công nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

2.2. Một số kết quả chủ yếu đạt được trong việc thực hiện kế hoạch:

2.2.1. Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch: hầu hết các mục tiêu cụ thể phát triển DNNVV trong giai đoạn 2007-2010 đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, cụ thể:

- Đến hết năm 2010, toàn tỉnh có trên 6.500 DNNVV, đạt 118% kế hoạch đề ra; vốn điều lệ đăng ký đạt trên 30 ngàn tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 137 ngàn lao động.

- Số DNNVV thành lập hằng năm 800 - 900 doanh nghiệp, đạt tốc độ tăng bình quân trên 22%, (chỉ tiêu đề ra là 700-800 doanh nghiệp hàng năm).

- Tỷ lệ tăng trưởng DNNVV thành lập tại các địa phương: Đầm Hà, Bình Liêu, Ba Chẽ, Cô Tô đạt chỉ tiêu đề ra (trên 25%,).

- Phát triển DNNVV chú trọng phát triển ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, giao thông phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; kết quả đến năm 2010 ngành nghề đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp theo lĩnh vực công nghiệp, xây dựng tăng, chiếm 35% trong tổng số doanh nghiệp.

- Hàng năm DNNVV tạo thêm việc làm mới cho trên 10.000 lao động, chiếm 41% kế hoạch giải quyết việc làm của tỉnh (chỉ tiêu đề ra chiếm từ 40-45%).

- Hàng năm có 600-700 người tại các DNNVV được đào tạo về khởi sự, quản trị doanh nghiệp, hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực; bên cạnh đó đã tổ chức được các lớp quản trị kinh doanh, hội nhập kinh tế quốc tế, đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp, đạt chỉ tiêu đề ra.

- Tỷ lệ DNNVV trực tiếp tham gia xuất khẩu là đạt chỉ tiêu đề ra (đạt 4%).

2.2.2. Kết quả thực hiện các giải pháp phát triển DNNVV:

Về cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký kinh doanh: Từ năm 2006 đến nay, công tác đăng ký kinh doanh đã nhiều bước đột phá về cải cách thủ tục hành chính. Từ tháng 4 năm 2007, bộ phận một cửa liên thông chính thức đi vào hoạt động, liên thông quy trình đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký

mẫu dấu; thời gian đăng ký kinh doanh từ 10 ngày làm việc hiện nay chỉ còn 5 ngày làm việc; Xây dựng và vận hành hệ thống đăng ký kinh doanh qua mạng đạt hiệu quả cao. Tháng 6 năm 2010, thực hiện việc hợp nhất mã số đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thành mã số doanh nghiệp, quy trình lấy mã số thuế được phối hợp tốt trên hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia (NBRS) giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế.

Hệ thống trình tự, thủ tục về đăng ký doanh nghiệp được rà soát, đơn giản hoá; nội dung này được hướng dẫn đầy đủ, chi tiết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Phòng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp vận hành tốt với chức năng hướng dẫn, tư vấn góp phần tích cực trong việc tạo điều kiện cho người thành lập doanh nghiệp thực hiện thủ tục thuận lợi, dễ dàng.

Tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh: Tỉnh đã hoàn thành lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2006-2010) được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 29/8/2006. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của tất cả 14 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

Về việc xây dựng các khu, cụm công nghiệp địa phương, tạo mặt bằng cho sản xuất kinh doanh: Tỉnh đã thực hiện quy hoạch các khu kinh tế, khu công nghiệp với cơ sở hạ tầng cần thiết, có giá cả phù hợp để khuyến khích các DNNVV thuê làm mặt bằng sản xuất kinh doanh. Tiến hành rà soát, xem xét việc thu hồi đất đối với các dự án triển khai chậm, quá thời hạn,... hình thành “Quỹ đất sạch” để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư sớm có địa điểm để đầu tư sản xuất kinh doanh. Phối kết hợp chặt chẽ trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất để giao cho nhà đầu tư trong thời gian ngắn nhất.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV tiếp cận các nguồn vốn: Về nguồn vốn tín dụng, ngành ngân hàng đã bám sát mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, tập trung ưu tiên vốn cho vay đối với các DNNVV; đồng thời thủ tục, trình tự hồ sơ vay vốn đã được đơn giản hoá. Trong 5 năm, từ 2006-2010, doanh số cho vay đối với các thành phần kinh tế dân doanh đạt 134.672 tỷ đồng; đến cuối năm 2010, dư nợ cho vay thành phần kinh tế này đạt 24.987 tỷ, chiếm 57,2% tổng dư nợ (tương ứng với các chỉ tiêu này năm 2006 là 2.861 tỷ, chiếm 34,9%). Thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất của Chính phủ, trong 2 năm 2009-2010, ngành ngân hàng đã cho vay hỗ trợ 1.312 khách hàng doanh nghiệp dân doanh với số tiền đã hỗ trợ 149,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, với nhiều khó khăn, quỹ bảo lãnh tín dụng chưa được thành lập để cung cấp thêm cơ hội tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp.

Xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ kỹ thuật: Các chương trình như việc áp dụng tin học, hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp đã được thực hiện. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ sản xuất rau an toàn cho Hợp tác xã nông nghiệp theo chương trình Liên minh HTX Việt Nam. Thực hiện, triển khai đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh “xây dựng mô hình làng

nghề mây tre đan xã Hoàng Tân huyện Yên Hưng”, đây là căn cứ xây dựng chính sách phát triển làng nghề nông thôn.

Về hỗ trợ xúc tiến thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế: Tỉnh đã thành lập các trung tâm: Trung tâm xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ninh (trực thuộc Sở Công Thương); Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch Quảng Ninh (trực thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch); Trung tâm dịch vụ hỗ trợ đầu tư (trực thuộc Ban Quản lý các Khu kinh tế Quảng Ninh) nhằm tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến du lịch, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm; đã tổ chức hàng trăm lượt khảo sát, học tập kinh nghiệm, xúc tiến cơ hội đầu tư trong và ngoài nước.

Công tác quảng bá và xây dựng thương hiệu được quan tâm, triển khai. Hàng năm đã tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các chương trình hội thảo, đào tạo tập huấn liên quan đến doanh nghiệp. Theo lộ trình Việt Nam gia nhập WTO, tỉnh đã tổ chức nhiều lớp tập huấn hội thảo, mời các chuyên gia để hướng dẫn, trao đổi nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và các doanh nghiệp.

Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực: Công tác đào tạo hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV được thực hiện thường xuyên từ năm 2006 đến nay. Bên cạnh công tác đào tạo kiến thức gia nhập thị trường, quản trị doanh nghiệp, các nội dung như đào tạo nghề, tập huấn công tác quản lý cho giám đốc doanh nghiệp, nghiệp vụ kế toán cũng được quan tâm thông qua đề án trong các năm 2006, giai đoạn 2007-2008, 2009-2010 và 2011, với kinh phí hàng năm gần 1 tỷ đồng gồm cả ngân sách trung ương và địa phương cho trung bình 600-700 lượt học viên từ các DNNVV mỗi năm. Các hoạt động hội thảo, tập huấn ngắn hạn về thị trường chứng khoán; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp... được các cơ quan Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động TBXH, Sở Công Thương... thực hiện hoặc phối hợp thực hiện với các cơ quan Trung ương như VCCI, Bộ KHĐT, Bộ Tư pháp...

Việc tạo lập môi trường tâm lý xã hội đã có kết quả tốt, vai trò của DNNVV đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, công cuộc xoá đói giảm nghèo, an sinh xã hội đã được nhìn nhận khách quan hơn trên phương diện xã hội.

2.3. Bài học rút ra từ việc thực hiện kế hoạch phát triển DNNVV giai đoạn 2006-2010

Nhìn chung, các giải pháp phát triển DNNVV đến năm 2010 trong kế hoạch được gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của các sở ban ngành, đơn vị liên quan, do đó quá trình triển khai đảm bảo đồng bộ và thuận lợi đã đóng góp quan trọng việc hoàn thành và đạt vượt mức các mục tiêu cụ thể kế hoạch đề ra.

Việc tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, thuế, hải quan trong khâu gia nhập thị trường đã triển khai tích cực, có hiệu quả. Hệ thống cơ sở dữ liệu doanh nghiệp ngày càng được công khai, minh bạch, hoàn thiện. Việc cung cấp thông tin qua nhiều kênh khác nhau, được thực hiện thường xuyên và có sự phối hợp giúp cho doanh nghiệp dễ dàng hơn trong nắm bắt, thực hiện các quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, một số nội dung còn hạn chế trong quá trình thực hiện như: Vấn đề cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư còn chông chéo, không đồng bộ giữa cấp trung ương và địa phương. Việc tiếp cận các chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Đất đai vẫn là vấn đề lớn và khó giải quyết đối với chính quyền cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh. Với đặc thù về quy mô sản xuất, doanh nghiệp cần có mặt bằng kinh doanh ở những khu dân cư tập trung, thuận tiện giao thông trong khi đó đa số các huyện thị xã thành phố trong tỉnh chưa có chính sách về hỗ trợ mặt bằng kinh doanh. Việc trợ giúp tài chính cho doanh nghiệp thông qua thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng chưa được thực hiện, khó khăn trong việc thu hút thành viên tham gia; những biến động giá cả, tình hình lạm phát đã tác động không nhỏ đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

III. HẠN CHẾ, THÁCH THỨC CỦA KHU VỰC DNNVV VÀ NHU CẦU HỖ TRỢ TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

3.1. Các hạn chế cơ bản của khu vực DNNVV

Bên cạnh những kết quả đạt được, DNNVV còn nhiều tồn tại, hạn chế:

- Tuy có số lượng gia tăng nhanh, nhưng các DNNVV phát triển chủ yếu theo chiều rộng, năng suất lao động thấp, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp còn hạn chế, phát triển chưa bền vững.

- Tính liên kết giữa các doanh nghiệp còn yếu, chưa quan tâm khai thác lợi thế ngành và liên kết ngành, chưa tạo thành chuỗi giá trị và các ngành công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ.

- Không quan tâm, nắm bắt cơ chế chính sách mà chủ yếu phát huy cơ hội kinh doanh, Vì vậy, việc thực hiện tuân thủ chính sách pháp luật của một số doanh nghiệp còn hạn chế về: nghĩa vụ nộp ngân sách, quản lý hóa đơn chứng từ, thực hiện chế độ đối với người lao động, thực hiện Luật Doanh nghiệp, chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện...

- Năng lực quản lý của doanh nghiệp hạn chế, không có chiến lược sử dụng lao động, quy hoạch, đào tạo cán bộ, đào tạo nghề cho công nhân; thậm chí còn có biểu hiện chộp giật, sử dụng lao động giá rẻ, trình độ thấp để kiếm lời trước mắt. Chất lượng nguồn lao động trong các DNNVV tuy có được nâng lên nhưng nhìn chung vẫn còn hạn chế, khó đáp ứng tốt các nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường.

- Việc áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế, trình độ thấp, công nghệ ở mức trung bình và dưới trung bình. Nhiều doanh nghiệp hiện nay chỉ dừng lại ở việc tiếp thu và vận hành công nghệ một cách thụ động thông qua nhập khẩu máy móc thiết bị, được chuyển giao công nghệ, chưa có nhiều sáng kiến, cải tiến công nghệ.

- Khó khăn tiếp cận đất "sạch" để mở rộng sản xuất kinh doanh do năng lực tài chính còn yếu, chưa có thương hiệu.

- Khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng bị hạn chế, tình trạng mặt bằng lãi suất cao kéo dài liên tục do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài

chính toàn cầu đặc biệt tác động lớn đến khu vực DNNVV.

3.2. Nhu cầu hỗ trợ đối với khu vực DNNVV giai đoạn 2011-2015

Đây là giai đoạn quan trọng để đưa Quảng Ninh trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2015, nhu cầu hỗ trợ của DNNVV xuất phát từ những khó khăn đã nêu như: nhu cầu trợ giúp tài chính; mặt bằng sản xuất kinh doanh; đổi mới nâng cao năng lực công nghệ, khoa học kỹ thuật; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; thông tin, tư vấn doanh nghiệp; trợ giúp phát triển nguồn nhân lực... Những yếu tố khác có tác động quan trọng đến việc phát triển DNNVV là: cải cách thủ tục hành chính, xây dựng và cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, các chương trình liên kết doanh nghiệp và cải thiện cơ sở hạ tầng.

PHẦN II

MỤC TIÊU GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DNNVV GIAI ĐOẠN 2011-2015

I. BỐI CẢNH KINH TẾ XÃ HỘI VÀ YÊU CẦU PHÁT TRIỂN DNNVV GIAI ĐOẠN 2011- 2015

1.1. Bối cảnh trong, ngoài nước tác động đến khu vực DNNVV tỉnh Quảng Ninh

Kế hoạch phát triển DNNVV tỉnh Quảng Ninh 5 năm 2011-2015 được thực hiện trong bối cảnh kinh tế thế giới biến đổi nhanh, phức tạp, khó lường. Sau cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, doanh nghiệp nói chung sẽ bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều cơ hội và thách thức mới.

Với mục tiêu phấn đấu xây dựng Quảng Ninh thực sự trở thành một địa bàn động lực, năng động của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cửa ngõ quan trọng trong hợp tác kinh tế quốc tế, đến năm 2015 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại. Các vấn đề về nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng xuất khẩu, giảm nghèo và tạo việc làm vẫn là những yếu tố hàng đầu cần xem xét trong quá trình xây dựng các giải pháp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 5 năm tới.

Việc phát triển DNNVV phải phù hợp và đồng thời được lồng ghép với Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2011-2015 và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan.

1.2. Dự báo xu hướng phát triển, yêu cầu mới từ nền kinh tế và các thách thức đối với công tác phát triển DNNVV thời gian tới

DNNVV vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, quy mô và hiệu quả, đảm nhiệm vị trí, vai trò quan trọng không thể thiếu trong phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ninh.

Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng đòi hỏi sự liên kết của các DNNVV ngày càng cao, liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và ngoài nước, giữa các DNNVV trong nước với nhau tạo thành chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh, hình thành công nghiệp phụ trợ. Bên cạnh đó, việc khẳng định thương hiệu, mở rộng thị trường, nâng cao sức cạnh tranh là đòi hỏi của sự phát triển đặt ra thách thức không nhỏ cho DNNVV tỉnh Quảng Ninh.

II. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DNNVV TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2011- 2015

2.1. Quan điểm, định hướng phát triển DNNVV giai đoạn 2011- 2015

2.1.1. Phát triển DNNVV là một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần; phát triển bình đẳng, hoạt động sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật và các cơ chế chính sách hiện có của tỉnh, huy động mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất kinh doanh.

2.1.2. Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ một cách bền vững, tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên cơ sở đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; khuyến khích phát triển doanh nghiệp ở nông thôn, làng nghề truyền thống, chú trọng phát triển các địa bàn vùng sâu, vùng xa, dân tộc ít người, địa bàn khó khăn; ưu tiên phát triển và hỗ trợ DNNVV có chủ doanh nghiệp là đồng bào dân tộc, phụ nữ, người tàn tật; quan tâm phát triển đối với một số ngành nghề, lĩnh vực có giá trị tăng cao hoặc doanh nghiệp nghiệp nhỏ và vừa có lợi thế cạnh tranh.

2.1.3. Tiếp tục hỗ trợ phát triển doanh nghiệp từ phía cơ quan nhà nước theo hướng hỗ trợ gián tiếp; hài hòa phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp với bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2.2 Mục tiêu phát triển DNNVV giai đoạn 2011- 2015

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNNVV, tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch để các DNNVV đóng góp ngày càng cao vào phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh.

2.2.2 Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2015 phấn đấu có thêm 4.500 DNNVV được thành lập mới, đưa tổng số DNNVV tỉnh Quảng Ninh đạt từ 10.000-10.500 doanh nghiệp, vốn đăng ký là 46.000 tỷ đồng.

- Tỷ lệ tăng trưởng DNNVV thành lập tại các huyện: Cô Tô, Ba Chẽ, Bình Liêu đạt trên 20% đến năm 2015.

- Phát triển DNNVV chú trọng phát triển ngành nghề công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, xây dựng, giao thông phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Tỷ trọng đóng góp của DNNVV vào GDP của tỉnh chiếm từ 34-36%.

- Hàng năm DNNVV tạo thêm việc làm mới cho trên 10.000 lao động.

- Hàng năm có trên 800 người là các chủ doanh nghiệp tại DNNVV được đào tạo về quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực, hỗ trợ kỹ thuật... theo các chương trình hỗ trợ phát triển của trung ương và địa phương.

- Tỷ lệ DNNVV trực tiếp tham gia xuất khẩu đạt từ 4-6%.

III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP TRỢ GIÚP PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Thực hiện các mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2015 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh đến 2015 và định hướng đến năm 2020, tỉnh Quảng Ninh tập trung thực hiện tốt những nhóm giải pháp đồng bộ nhằm phát triển DNNVV như sau:

3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện khung pháp lý chung về phát triển DNNVV, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

- Tiếp tục nâng cao việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong khâu gia nhập thị trường của các doanh nghiệp về: Đầu tư, đất đai, môi trường, đăng ký kinh doanh, thuế, hải quan...

- Xây dựng và triển khai thực hiện đồng bộ các quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; Quy hoạch các vùng trọng điểm kinh tế của tỉnh; Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch đô thị và các quy hoạch ngành khác. Hàng năm tiến hành rà soát, thực hiện điều chỉnh các quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế và công bố các quy hoạch theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời trợ giúp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính và đầu tư.

3.2. Nhóm giải pháp về chính sách hỗ trợ DNNVV

3.2.1. Trợ giúp tài chính

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV tiếp cận các nguồn vốn, ưu tiên các doanh nghiệp phát triển tại khu vực nông thôn, địa bàn khó khăn, doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, hàng có giá trị tăng cao.

- Nghiên cứu thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng, quỹ phát triển doanh nghiệp cho các DNNVV nhằm giúp các doanh nghiệp tăng cường năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.2.2. Mặt bằng sản xuất

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt việc công khai hóa các chiến lược và quy hoạch chi tiết sử dụng đất để các doanh nghiệp tự quyết định lựa chọn đầu tư kinh doanh. Có cơ chế ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và hỗ trợ tín dụng đầu tư nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp dành cho DNNVV.

- Thống kê và thu hồi đất các dự án quá hạn không triển khai, sử dụng không đúng mục đích để tạo quỹ đất cho các doanh nghiệp khác thuê.

3.2.3. Hỗ trợ đổi mới, nâng cao năng lực, công nghệ, trình độ kỹ thuật

- Thực hiện chính sách hỗ trợ DNNVV ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đầu tư đổi mới trang thiết bị, nâng cao năng lực công nghệ và chuyển giao công nghệ. Giới thiệu, cung cấp thông tin về công nghệ, thiết bị cho các DNNVV, tư vấn hỗ

trợ đánh giá lựa chọn công nghệ.

- Ưu tiên hỗ trợ các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và các làng nghề truyền thống áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, các tiêu chuẩn quốc tế khác.

3.2.4. Hỗ trợ tiếp cận thị trường, mở rộng sản xuất kinh doanh

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư- thương mại và du lịch nhằm hỗ trợ DNNVV tìm kiếm thị trường mới và xuất khẩu mặt hàng mới.

- Tăng cường sự liên kết giữa các DNNVV với doanh nghiệp lớn, tập đoàn đầu tư để sản xuất sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

3.2.5. Trợ giúp phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho các DNNVV. Tiến hành khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, tập trung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, hội nhập kinh tế quốc tế, kế toán-tài chính...

IV. XÂY DỰNG CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Về tổ chức, nhân sự

1.1. Kiện toàn Ban điều phối thực hiện kế hoạch phát triển DNNVV

1.1.1. Thành phần:

- Trưởng ban: Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phó Trưởng ban: Đồng chí Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Thành lập mới Trung tâm Xúc tiến thương mại, đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh.

- Thành viên ban điều phối gồm đại diện các ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng; các đơn vị: Trung tâm Xúc tiến thương mại, đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh; Liên minh các Hợp tác xã và Doanh nghiệp ngoài quốc doanh, Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Ban Quản lý các khu kinh tế.

1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển doanh nhỏ và vừa tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011- 2015.

- Chỉ đạo các sở, ban ngành và Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh triển khai, giám sát thực hiện các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Nguồn tài chính, ngân sách: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và huy động đóng góp của các doanh nghiệp và các tổ chức khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Là đầu mối, chủ trì phối hợp với các ban, ngành xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm phát triển DNNVV; tổng hợp chương

trình hỗ trợ phát triển DNNVV trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trung tâm Xúc tiến thương mại, đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh: Xây dựng, triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ phát triển DNNVV.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các ngành trình Ủy ban Nhân dân tỉnh bố trí cân đối nguồn vốn ngân sách hàng năm để đảm bảo kinh phí thực hiện kế hoạch.

4. Các sở, ban ngành khác và các tổ chức hội doanh nghiệp: Căn cứ chức năng nhiệm vụ của ngành, đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp các đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các DNNVV phát triển. Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan lập quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có mặt bằng thuê đất sản xuất kinh doanh.

Định kỳ hàng năm các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nội dung kế hoạch phát triển DNNVV, tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh./. 76

Nơi nhận:

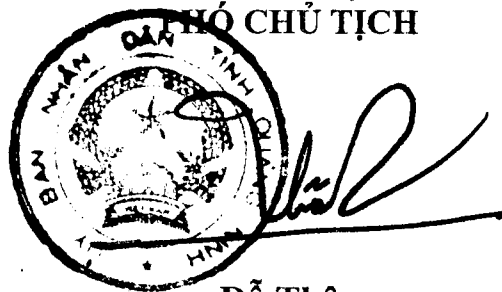
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Đ/c CT, các Đ/c PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh (thực hiện);
- UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (thực hiện);
- V0, V1, V2, V3, TM1, TM2, VX, TH1;
- Lưu: VT, TM1.

H50-KH03

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thông



**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP
NHỎ VÀ VỪA TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2015**
(Kèm theo Kế hoạch số 5123/UBND-KH ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban
Nhân dân tỉnh về phát triển DNNVV tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011 - 2015)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Thời gian
1	Tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV tiếp cận các nguồn vốn		
	Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn, ưu tiên cho các doanh nghiệp tại địa bàn khó khăn, doanh nghiệp xuất khẩu, hàng có giá trị tăng cao. Thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng, quỹ phát triển doanh nghiệp cho các DNNVV nhằm giúp các doanh nghiệp tăng cường năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh trên thị trường.	Ngân hàng nhà nước tỉnh chủ trì; Sở Tài chính và UBND huyện, thị xã thành phố; các hiệp hội doanh nghiệp	2012-2014
2	Giải quyết mặt bằng sản xuất kinh doanh		
	Thống kê và thu hồi đất các dự án quá hạn không triển khai, sử dụng không đúng mục đích để tạo quỹ đất cho các doanh nghiệp khác thuê.	Sở Tài nguyên Môi trường chủ trì thực hiện; Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.	2011-2015
3	Hỗ trợ đổi mới, nâng cao năng lực, công nghệ, trình độ kỹ thuật		
	Triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn	Sở Khoa học Công nghệ chủ trì thực hiện; các đơn vị có liên quan.	2012-2015
4	Hỗ trợ tiếp cận thị trường, mở rộng sản xuất kinh doanh		
	Thành lập Trung tâm xúc tiến thương mại, đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp; Triển khai thực hiện Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành có liên quan	2011-2012

	Tăng cường sự hỗ trợ phát triển doanh nghiệp thông qua hỗ trợ phát triển các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân; hỗ trợ việc liên kết các doanh nghiệp tạo thành chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị; định hướng DNNVV tham gia và các ngành công nghiệp hỗ trợ (hay còn gọi là công nghiệp phụ trợ).	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị có liên quan	
5	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực		
	Triển khai các khóa đào tạo kiến thức khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp cho đối tượng DNNVV	Các sở, ngành và đơn vị có liên quan	2012-2015
6	Tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo lập môi trường tâm lý xã hội trong kinh doanh		
	Tạo lập môi trường tâm lý xã hội, nâng cao nhận thức về vai trò của các DNNVV trong nền kinh tế của chính quyền các cấp, cộng đồng dân cư thông qua tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về đóng góp của các DNNVV	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Đài Phát thanh Truyền hình, Báo Quảng Ninh, UBND các huyện, thị xã thành phố; các sở, ban, ngành trong tỉnh.	2011-2015